

Bán án số: 58/2021/HNGĐ - ST
Ngày 26-02-2021
“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 735/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc Đang T, sinh năm 1986. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, Tp.L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn L, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, Tp.L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Huỳnh Ngọc Đang T trình bày:

Năm 2009, bà T và ông L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L (Giấy

chứng nhận kết hôn ngày 09/6/2009), đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà và ông Lập. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu và tin tưởng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày 18/01/2010 và Phan Quốc H1, sinh ngày 12/5/2017, hiện con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn Phan Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn Huỳnh Ngọc Đang T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L, vì ông L không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay, bà T về nhà cha mẹ để sinh sống và nuôi con; Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ cho đến khi con chung thành niên; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Phan Văn L không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà T, vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ông và bà T đoàn tụ; Về con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, ông Lập yêu cầu được nuôi con Phan Quốc H1, sinh ngày 12/5/2017, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với bà T không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại xã M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 1/2009 ngày 09/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn, bị đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông L nhận được văn bản tố tụng do Tòa án cấp tổng đạt nhưng không quan tâm, không có ý kiến và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không trực tiếp đến Tòa để tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bà T đoàn tụ nhưng bà T không đồng ý và kiên quyết ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai đã ly thân hơn 01 năm nên vợ chồng không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có thống nhất có 02 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày 18/01/2010 và Phan Quốc H1 sinh ngày 12/5/2017 và đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét thấy, con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh, thu

nhập cá nhân của bà T (Mua bán tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000đ) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà T và ông L có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và được ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Như vậy, ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phan Quốc H, sinh ngày 18/01/2010 và Phan Quốc H1, sinh ngày 12/5/2017 hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (26/02/2021) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đang T với bị đơn Phan Văn L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Đang T được ly hôn với ông Phan Văn L. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày 18/01/2010 và Phan Quốc H1, sinh ngày 12/5/2017

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà Th và ông L có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phan Quốc H, sinh ngày 18/01/2010 và Phan Quốc H1, sinh ngày 12/5/2017 hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (26/02/2021) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm

Nguyên đơn Huỳnh Ngọc Đang T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007763 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà T đã thực hiện xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn Phan Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Hòa Hưng, Tp.L;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam